

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **2945** /SNV-CCVC

Hà Nội, ngày **14** tháng 10 năm 2021

V/v hướng dẫn thăng hạng viên chức ngành tài nguyên, môi trường và thăng hạng viên chức chuyên ngành hành chính từ cán sự lên chuyên viên năm 2021.

Kính gửi:

- Sở, cơ quan tương đương Sở;
- UBND quận, huyện, thị xã;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc Thành phố

Thực hiện chương trình công tác năm 2021, Sở Nội vụ đề nghị các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện: Rà soát và xây dựng cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài nguyên, môi trường, xác định nhu cầu, lập hồ sơ cử viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường năm 2021; rà soát và xây dựng cơ cấu viên chức chuyên ngành hành chính làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, xác định nhu cầu, lập hồ sơ cử viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thăng hạng từ cán sự lên chuyên viên đối với viên chức chuyên ngành hành chính làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2021.

I - THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng cơ cấu viên chức theo các hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường

1.1. Căn cứ thực hiện

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Các Thông tư liên tịch của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức các chuyên ngành: địa chính, quan trắc tài nguyên môi trường, đo đạc bản đồ.

- Quyết định 6103/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND Thành phố về phê duyệt Đề án vị trí việc làm khối các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Các văn bản pháp luật hiện hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.
- Các căn cứ liên quan đến việc xác định trình độ ngoại ngữ, tin học.

1.2. Yêu cầu xây dựng cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài nguyên và môi trường

- Đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Phù hợp với cơ cấu theo Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Quá trình thực hiện phải đảm bảo công khai, khách quan, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật.

(Báo cáo số liệu về cơ cấu của từng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài nguyên môi trường được thực hiện theo Phụ lục IA, Phụ lục IB, Phụ lục IC)

2. Đối tượng và điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức được cử dự thi thăng hạng

2.1. Đối tượng

Viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II thuộc các chuyên ngành sau:

- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành địa chính.
- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường.
- Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành đo đạc bản đồ.

2.2. Điều kiện, tiêu chuẩn

2.2.1. Điều kiện tiêu chuẩn chung

Các trường hợp viên chức được cử đi dự thi thăng hạng viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 15/9/2020 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Điều 3 Thông tư liên tịch 13/2016/TTLT-BTNMT-BNV ngày 30/ 6/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ quy định tiêu chuẩn, điều kiện, hình thức, nội dung thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành tài nguyên và môi trường, cụ thể như sau:

- Đang giữ chức danh nghề nghiệp có cùng 4 chữ số đầu trong mã số chức danh nghề nghiệp với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi thăng hạng.
- Thuộc đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu.
- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi thăng hạng.

Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định Nghị định số 115/2020/NĐ-CP thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét, tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

- Được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quản lý hoặc sử dụng viên chức cử tham dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2.2.2. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể

- Đề nghị các cơ quan, đơn vị nghiên cứu các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của từng hạng chức danh nghề nghiệp tại các văn bản sau để xác định đúng, đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức dự thi thăng hạng chuyên ngành tài nguyên và môi trường từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II:

- + Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính.

+ Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường.

+ Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành đo đạc bản đồ.

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cử viên chức đi dự thi tổ chức tiếp nhận, kiểm tra, tổng hợp báo cáo và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn, điều kiện dự thi của viên chức được cử dự thi thăng hạng chuyên ngành tài nguyên, môi trường theo quy định.

3. Miễn thi ngoại ngữ, tin học và xác định tiêu chuẩn, điều kiện về ngoại ngữ, tin học

3.1. Miễn thi ngoại ngữ, tin học

- Miễn thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

+ Viên chức tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác;
+ Viên chức có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số đang công tác ở vùng dân tộc thiểu số;

+ Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học chuyên ngành ngoại ngữ hoặc có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi.

+ Viên chức có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học hoặc có bằng tốt nghiệp theo yêu cầu trình độ đào tạo so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định trong tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp dự thi học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

Trường hợp Viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ của ngạch dự thi và hồ sơ dự thi nâng ngạch không cần chứng chỉ thể hiện trình độ ngoại ngữ.

- Miễn thi môn tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.

Trường hợp viên chức được miễn thi môn tin học thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn tin học của ngạch dự thi và hồ sơ dự thi nâng ngạch không cần chứng chỉ thể hiện trình độ tin học.

3.2. Xác định tiêu chuẩn, điều kiện về ngoại ngữ và tin học

- Xác định chứng chỉ tin học: Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo quy định tại Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền

thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin, sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT).

- Xác định chứng chỉ ngoại ngữ: Việc xác định chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 2 hoặc bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT, Thông tư số 08/2017/TT-BGDĐT; Thông tư số 20/2019/TT-BGDĐT và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 3755/GDĐT-GDTEX ngày 03/8/2016 và Công văn số 6089/GDĐT-GDTEX ngày 27/10/2014; hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 4645/SGD&ĐT-GDTEX-CN ngày 14/12/2016. Theo đó:

+ Chứng chỉ trình độ C, B1, B2, C1, C2; các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đã cấp, được công nhận và còn thời hạn sử dụng có giá trị thay thế trình độ bậc 3 quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

+ Chứng chỉ trình độ A2, B, C, B1, B2, C1, C2; các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đã cấp, được công nhận và còn thời hạn sử dụng có giá trị thay thế trình độ bậc 2 quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

II - THĂNG HẠNG TỪ CÁN SỰ LÊN CHUYÊN VIÊN ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH HÀNH CHÍNH LÀM VIỆC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

1. Xây dựng cơ cấu viên chức chuyên ngành hành chính làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

1.1. Căn cứ thực hiện

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch Viên chức chuyên ngành hành chính và Viên chức chuyên ngành văn thư.

- Các Quyết định của UBND Thành phố về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm đơn vị sự nghiệp công lập thuộc, trực thuộc Thành phố Hà Nội;

- Các văn bản pháp luật hiện hành quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các căn cứ liên quan đến việc xác định trình độ ngoại ngữ, tin học.

1.2. Yêu cầu xây dựng cơ cấu viên chức chuyên ngành hành chính làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập

- Đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Phù hợp với cơ cấu theo Đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quá trình thực hiện phải đảm bảo công khai, khách quan, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật.

(Báo cáo số liệu về cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành hành chính được thực hiện theo Phụ lục II)

2. Đối tượng và điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức được cử dự thi thăng hạng từ cán sự lên chuyên viên

2.1. Đối tượng

- Viên chức làm việc ở các bộ phận hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hiện đang giữ ngạch/chức danh nghề nghiệp cán sự (mã số 01.004) có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng viên chức chuyên ngành hành chính từ cán sự lên chuyên viên theo quy định.

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện

2.2.1 Tiêu chuẩn, điều kiện chung

Viên chức đăng ký dự thi thăng hạng viên chức chuyên ngành hành chính từ cán sự lên chuyên viên theo quy định khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

- Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật viên chức quy định tại Điều 56 Luật Viên chức được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

- Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

- Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, tin học theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ thì đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn ngoại ngữ, tin học của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

- Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của Luật bảo hiểm xã hội, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét, tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng thăng hạng.

2.2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng cụ thể

Tiêu chuẩn, điều kiện thăng hạng viên chức chuyên ngành hành chính từ cán sự lên chuyên viên được áp dụng thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 02/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư: “3. *Áp dụng quy định tại Chương II và Điều 14 Chương IV Thông tư này đối với viên chức làm việc ở các bộ phận hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị sự nghiệp công lập trong việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.*”. Cụ thể như sau:

- Viên chức hành chính đăng ký thăng hạng từ cán sự lên chuyên viên phải có khả năng đáp ứng các yêu cầu về chức trách, nhiệm vụ của ngạch chuyên viên theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 7 Điều 16 Thông tư số 02/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

+ Nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật về ngành, lĩnh vực công tác, các mục tiêu và đối tượng quản lý, hệ thống các nguyên tắc và cơ chế quản lý nghiệp vụ thuộc phạm vi công tác;

+ Có khả năng tham gia xây dựng và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực hoặc địa phương công tác; có khả năng tham gia nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

+ Có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao tham mưu, đề xuất;

+ Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm. Việc xác định tiêu chuẩn, điều kiện về ngoại ngữ, tin học và các đối tượng được miễn thi ngoại ngữ, tin học thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 3 phần I của văn bản này.

- Về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

+ Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

+ Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên.

- Về thời gian giữ ngạch: Yêu cầu đối với viên chức hành chính dự thi thăng hạng từ cán sự lên chuyên viên phải có thời gian giữ ngạch cán sự và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch cán sự thì thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

3. Miễn thi ngoại ngữ, tin học và xác định tiêu chuẩn, điều kiện về ngoại ngữ, tin học

Việc miễn thi ngoại ngữ, tin học và xác định tiêu chuẩn, điều kiện về ngoại ngữ, tin học được thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 3 Phần I của văn bản này.

III - LẬP DANH SÁCH VÀ NỘP HỒ SƠ CỦA VIÊN CHỨC ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG

1. Lập danh sách và cử viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng

- Các cơ quan, đơn vị rà soát, báo cáo cụ thể về:

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài nguyên môi trường.

(Lập danh sách viên chức theo từng hạng của từng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tài nguyên môi trường theo mẫu của Phụ lục III).

+ Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thi thăng hạng từ cán sự lên chuyên viên đối với viên chức chuyên ngành hành chính làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

(Lập danh sách viên chức theo mẫu của Phụ lục IV).

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập lập danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, xem xét, quyết định cử viên chức dự thi thăng hạng theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Đối với văn bản báo cáo cơ cấu, các biểu mẫu, danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức phải do Giám đốc các Sở; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã; Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND Thành phố ký và gửi Sở Nội vụ.

2. Hồ sơ cử viên chức dự thi thăng hạng

- Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp bao gồm:

+ Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức;

+ Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức hoặc của người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;

+ Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng;

Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

Trường hợp viên chức được miễn thi môn ngoại ngữ, môn tin học quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 39 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ thì được miễn chứng chỉ ngoại ngữ, chứng chỉ tin học;

Riêng đối với viên chức hành chính đăng ký dự thi thăng hạng từ cán sự lên chuyên viên thì thành phần hồ sơ không yêu cầu chứng chỉ ngoại ngữ và chứng chỉ tin học.

+ Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự thi. Cụ thể:

Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành địa chính theo quy định của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường theo quy định của Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành đo đạc bản đồ theo quy định của Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV;

Tiêu chuẩn ngạch chuyên viên (áp dụng đối với viên chức chuyên ngành hành chính) theo quy định của Thông tư số 02/2021/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng của mỗi viên chức được bỏ vào một bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5mm. Bên ngoài bì hồ sơ có dán sơ mi ghi đầy đủ, theo thứ tự các thành phần hồ sơ của viên chức.

- Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ, người đứng đầu cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử dự thi và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự thi của viên chức theo quy định của pháp luật.

IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị

- Căn cứ các quy định pháp luật có liên quan và hướng dẫn của Sở Nội vụ tổng hợp về cơ cấu chức danh nghề nghiệp của cơ quan, đơn vị; tổ chức rà soát, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lý của thành phần hồ sơ và lập danh sách viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi; chịu trách nhiệm về các tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự kỳ thi thăng hạng.

- Thực hiện thông báo công khai văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ đến các đơn vị trực thuộc.

- Văn bản báo cáo và hồ sơ các trường hợp đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi thăng hạng của các cơ quan, đơn vị gửi về Sở Nội vụ (qua phòng Công chức, viên chức) trước ngày 05/11/2021 theo địa chỉ: Sở Nội vụ Thành phố Hà Nội, số 18B Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm và gửi file mềm danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi dưới dạng excel qua email: tranthithuyduong_sonv@hanoi.gov.vn

2. Sở Nội vụ

- Tổ chức kiểm tra, rà soát về cơ cấu chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị; kiểm tra, xác định tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử dự thi thăng hạng;

- Tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố về đề án thi thăng hạng viên chức theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị đơn vị có văn bản gửi về Sở Nội vụ, số 18B, phố Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội (qua Phòng Viên chức, viên chức) để tổng hợp, xem xét, hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- UBND Thành phố (để báo cáo);
- Đ/c Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Các phòng Sở Nội vụ: VP, TCBC, XDCQ; Thanh tra;
- Lưu: VT, CCVC.



Đinh Mạnh Hùng

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH HÀNH CHÍNH
TỪ CÁN SỰ LÊN CHUYÊN VIÊN NĂM 2021**

(Kèm theo văn bản số 2045 /SNV-CCVC ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Sở Nội vụ Hà Nội)

| T T | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ ngạch/ CDNN (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng | | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi | | | | | Có đề án, công trình | Được miễn thi | | Ngoại ngữ đăng ký thi | Ghi chú |
|--------|-----------|---------------------|----|---------------------------------|------------------------------|---|----------------------|--------------------------------------|--|----------------------------|------------------------------|------------------|--------------------|----------------------|---------------|-----------|-----------------------|---------|
| | | Nam | Nữ | | | | Hệ số lương | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ | | Tin học | Ngoại ngữ | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng Cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**DANH SÁCH VIÊN CHỨC CÓ ĐỦ CÁC TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CHUYÊN NGÀNH TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG**

TỪ HẠNG CHỨC DANH LÊN HẠNG CHỨC DANH NĂM 2021
(Kèm theo văn bản số 2945 /SNV-CCVC ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Sở Nội vụ Hà Nội)

| T T | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | | Chức vụ hoặc chức danh công tác | Cơ quan đơn vị đang làm việc | Thời gian giữ chức danh nghề nghiệp (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương) | Mức lương hiện hưởng | | Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của hạng dự thi | | | | | Có đề án, công trình | Được miễn thi | | Ngoại ngữ đăng ký thi | Ghi chú |
|--------|--------------|------------------------|----|---|---------------------------------------|--|-------------------------|---|---|----------------------------------|---------------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------------|---------------|--------------|--------------------------------|---------|
| | | Nam | Nữ | | | | Hệ số lương | Mã số chức danh nghề nghiệp hiện giữ | Trình độ Chuyên môn | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ quản lý nghề nghiệp | Trình độ tin học | Trình độ ngoại ngữ | | Tin học | Ngoại ngữ | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Lưu ý: Đối với từng hạng của từng chức danh nghề nghiệp để nghị các đơn vị lập thành các danh sách riêng

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng Cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH HÀNH CHÍNH HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG
TỪ CÁN SỰ LÊN CHUYÊN VIÊN ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2021**

(Kèm theo văn bản số 2915/SNV-CCVC ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Sở Nội vụ Hà Nội)

| TT | Cơ quan, tổ chức, đơn vị | Số lượng hiện có | | | | | Nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm | | | | Đăng ký chỉ tiêu thăng hạng lên chuyên viên | | Ghi chú |
|----|-----------------------------|------------------|------------------------|----------------------|-------------|--------|-------------------------------------|----------------------|-------------|--------|--|---------------------|---------|
| | | Tổng Số | Chuyên viên cao cấp | Chuyên viên chính | Chuyên viên | Cán sự | Chuyên viên cao cấp | Chuyên viên chính | Chuyên viên | Cán sự | Số thiếu theo vị trí việc làm | Chỉ tiêu đăng ký | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| | Đơn vị 1 | | | | | | | | | | | | |
| | Đơn vị 2 | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng số | | | | | | | | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng Cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ VIÊN HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ
SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ VIÊN NĂM 2021**

(Kèm theo văn bản số 295 /SNV-CCVC ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Sở Nội vụ Hà Nội)

| TT | Cơ quan, tổ chức, đơn vị | Số lượng hiện có | | | | Nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm | | | Đăng ký chỉ tiêu thăng hạng | | | | Ghi chú | |
|----|-----------------------------|------------------|-----------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|---------------------|---------|--|
| | | Tổng Số | Quan trắc viên TNMT hạng II | Quan trắc viên TNMT hạng III | Quan trắc viên TNMT hạng IV | Quan trắc viên TNMT hạng II | Quan trắc viên TNMT hạng III | Quan trắc viên TNMT hạng IV | Quan trắc viên TNMT hạng II | | Quan trắc viên TNMT hạng III | | | |
| | | | | | | | | | Số thiếu theo vị trí việc làm | Chỉ tiêu đăng ký | Số thiếu theo vị trí việc làm | Chỉ tiêu đăng ký | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | |
| | Đơn vị 1 | | | | | | | | | | | | | |
| | Đơn vị 2 | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng số | | | | | | | | | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng Cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH QUAN TRẮC VIÊN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ
SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH QUAN TRẮC VIÊN TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG NĂM 2021**
(Kèm theo văn bản số 2945 /SNV-CCVC ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Sở Nội vụ Hà Nội)

| TT | Cơ quan, tổ chức, đơn vị | Số lượng hiện có | | | | Nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm | | | Đăng ký chỉ tiêu thăng hạng | | | | Ghi chú | |
|----|-----------------------------|------------------|-----------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|---------------------|---------|--|
| | | Tổng Số | Quan trắc viên TNMT hạng II | Quan trắc viên TNMT hạng III | Quan trắc viên TNMT hạng IV | Quan trắc viên TNMT hạng II | Quan trắc viên TNMT hạng III | Quan trắc viên TNMT hạng IV | Quan trắc viên TNMT hạng II | | Quan trắc viên TNMT hạng III | | | |
| | | | | | | | | | Số thiếu theo vị trí việc làm | Chỉ tiêu đăng ký | Số thiếu theo vị trí việc làm | Chỉ tiêu đăng ký | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | |
| | Đơn vị 1 | | | | | | | | | | | | | |
| | Đơn vị 2 | | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng số | | | | | | | | | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng Cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

**BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH ĐỊA CHÍNH HIỆN CÓ VÀ ĐỀ NGHỊ SỐ LƯỢNG CHỈ TIÊU THĂNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH ĐỊA CHÍNH NĂM 2021**

(Kèm theo văn bản số 945/SNV-CCVC ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Sở Nội vụ Hà Nội)

| TT | Cơ quan, tổ chức, đơn vị | Số lượng hiện có | | | | Nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm | | | Đăng ký chỉ tiêu thăng hạng | | | | Ghi chú |
|----|-----------------------------|------------------|---------------------------|----------------------------|---------------------------|-------------------------------------|----------------------------|---------------------------|-------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|---------------------|---------|
| | | Tổng Số | Địa chính viên hạng II | Địa chính viên hạng III | Địa chính viên hạng IV | Địa chính viên hạng II | Địa chính viên hạng III | Địa chính viên hạng IV | Địa chính viên hạng II | | Địa chính viên hạng III | | |
| | | | | | | | | | Số thiếu theo vị trí việc làm | Chỉ tiêu đăng ký | Số thiếu theo vị trí việc làm | Chỉ tiêu đăng ký | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| | Đơn vị 1 | | | | | | | | | | | | |
| | Đơn vị 2 | | | | | | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | | | | | | |
| | Tổng số | | | | | | | | | | | | |

....., ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng Cơ quan, đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)